

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Lê Quang Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch	
Ông Ngô Đức Anh	Thành viên	
Bà Phạm Ngọc Trâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Dịu	Trưởng Ban	
Bà Vũ Thị Lanh	Thành viên	
Bà Đậu Thị Thanh Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2024
Bà Trần Thị Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm 26/06/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Vũ Viết Tài	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Phạm Thị Hiếu.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 35 phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Lê Quang Huy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Số: 1100/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 09 năm 2025, từ trang 07 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc tại khoản mục “Đầu tư vào đơn vị khác” có giá trị là 37.050.000.000 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 100% giá trị của khoản đầu tư này. Tuy nhiên, do chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến giao dịch hình thành số dư nói trên nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của giao dịch này.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2024, khoản phải thu khác tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” có giá trị là 58.163.618.000 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 100% giá trị các khoản này. Tuy nhiên, do chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến giao dịch hình thành số dư nói trên nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của giao dịch này.

Tại ngày 31/12/2024, khoản công nợ phải thu ông Nguyễn Quang Hoàn có giá trị là 3.200.000.000 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 2.380.000.000 đồng, phần công nợ còn lại đã quá thời hạn thanh toán nhưng chưa được thu hồi cũng như chưa được trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Với các tài liệu hiện có và các thủ tục kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ trên cũng như ảnh hưởng của nó tới Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trong năm 2024, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng thương mại (tẩm ép phôi tre, thiết bị điện tử) với tổng giá trị 5.932.623.300 đồng, tương ứng giá vốn là 5.810.856.500 đồng, tạo ra lợi nhuận gộp là 121.766.800 đồng. Mặc dù Công ty đã thu hết tiền bán hàng nhưng các tài liệu liên quan đến giao dịch thương mại này như đơn đặt hàng, biên bản bàn giao hàng hóa không thể hiện rõ quy cách của sản phẩm, chất lượng hàng hóa, phương thức giao nhận. Do đó, chúng tôi không xác định được tính hợp lý của các giao dịch mua bán hàng hóa này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Trong năm 2024, Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn bán hàng hóa (thiết bị điện tử, vật liệu xây dựng) lần lượt là 32.746.776.238 đồng và 33.520.661.750 đồng, tạo ra khoản lỗ kinh doanh là 773.885.512 đồng nhưng chưa thu hết tiền. Số dư các khoản công nợ phải thu liên quan đến các giao dịch này tại ngày 31/12/2024 vẫn còn 11.891.456.085 đồng nhưng không có các biện pháp đảm bảo thanh toán, đồng thời các tài liệu liên quan đến giao dịch thương mại này như đơn đặt hàng, biên bản bàn giao hàng hóa không thể hiện rõ quy cách của sản phẩm, chất lượng hàng hóa, phương thức giao nhận. Do đó, chúng tôi không xác định được tính hợp lý của các giao dịch mua bán hàng hóa này cũng như khả năng thu hồi của khoản công nợ phải thu nêu trên và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 của Báo cáo tài chính tổng hợp liên quan đến chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 75.902.112.441 đồng tại ngày 31/12/2024 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương triển khai Dự án tòa nhà Simco Tower tại khu nhà hỗn hợp HH – Dự án khu đô thị mới Cầu Bươu, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội có tổng mức đầu tư dự kiến là 351.780.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Dự án đang trong quá trình thực hiện theo Nghị quyết số 27/SIMCO-HĐQT ngày 15/09/2025 của Công ty và Công ty đang làm việc với Công ty Cổ phần Kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội để chuyển từ hợp đồng chuyển nhượng hạ tầng kỹ thuật sang hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm tiếp tục triển khai phát triển dự án theo Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 13/03/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện cho phần còn lại của dự án.

Vấn đề ~~nhấn mạnh~~ nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ đã trình bày.



Lê Đức Hạnh

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2025-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Trần Thanh Tùng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.206.533.110	89.633.982.934
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	268.422.227	631.241.939
Tiền	111		268.422.227	631.241.939
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.1	5.600.100.000	5.600.100.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.600.100.000	5.600.100.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.212.844.102	83.339.871.495
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	19.569.831.327	42.569.495.119
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.324.750.616	5.540.950.616
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	5.328.330.196	33.532.876.596
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	79.352.436.975	12.036.365.490
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(80.362.505.012)	(10.339.816.326)
Hàng tồn kho	140	11	47.896.364	47.896.364
Hàng tồn kho	141		47.896.364	47.896.364
Tài sản ngắn hạn khác	150		77.270.417	14.873.136
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	9.526.221	12.944.133
Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.785.593	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	7.958.603	1.929.003
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.914.237.085	168.392.364.104
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.024.600.000	11.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.024.600.000	11.000.000.000
Tài sản cố định	220		14.400.161.420	17.706.623.096
Tài sản cố định hữu hình	221	14	14.400.161.420	17.706.623.096
- Nguyên giá	222		25.324.832.174	29.470.883.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.924.670.754)	(11.764.260.182)
Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		244.160.000	244.160.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.160.000)	(244.160.000)
Bất động sản đầu tư	230	16	9.659.620.812	7.489.650.972
- Nguyên giá	231		15.969.920.460	11.823.869.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.310.299.648)	(4.334.218.384)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	80.701.112.441	75.902.112.441
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		80.701.112.441	75.902.112.441
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	18.107.513.459	56.261.221.382
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		72.692.905.914	72.692.905.914
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		86.674.400.000	101.914.400.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(141.259.792.455)	(118.346.084.532)
Tài sản dài hạn khác	260		21.228.953	32.756.213
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	21.228.953	32.756.213
TỔNG TÀI SẢN	270		156.120.770.195	258.026.347.038

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		69.740.864.352	71.503.818.433
Nợ ngắn hạn	310		52.561.958.725	50.977.885.209
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	15.325.240.790	11.736.669.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.382.166	110.382.166
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	-	17.653.243
Phải trả người lao động	314		174.269.450	196.762.650
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	830.367.445	1.122.488.324
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	1.722.796.958	2.238.191.661
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	21.016.384.044	21.504.202.446
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	13.381.911.300	14.050.928.397
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		606.572	606.572
Nợ dài hạn	330		17.178.905.627	20.525.933.224
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	11.288.538.027	14.714.395.624
Phải trả dài hạn khác	337	22	5.890.367.600	5.811.537.600
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.379.905.843	186.522.528.605
Vốn chủ sở hữu	410	23	86.379.905.843	186.522.528.605
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.061.580.000	262.061.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.682.000)	(1.682.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.231.903.807	1.231.903.807
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(176.911.895.964)	(76.769.273.202)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(76.769.273.202)	(47.511.270.075)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(100.142.622.762)	(29.258.003.127)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		156.120.770.195	258.026.347.038

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mai Thùy Linh

Phạm Thị Hiếu

Lê Quang Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	41.330.743.041	44.676.610.785
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.330.743.041	44.676.610.785
Giá vốn hàng bán	11	25	40.975.331.746	43.914.887.245
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		355.411.295	761.723.540
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	416.301.640	19.621.821.068
Chi phí tài chính	22	27	31.632.780.647	44.066.136.886
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		678.871.467	1.184.317.317
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	73.830.790.100	5.641.183.183
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(104.691.857.812)	(29.323.775.461)
Thu nhập khác	31	30	4.622.406.034	76.782.615
Chi phí khác	32	31	73.170.984	11.010.281
Lợi nhuận khác	40		4.549.235.050	65.772.334
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(100.142.622.762)	(29.258.003.127)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(100.142.622.762)	(29.258.003.127)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(3.821)	(1.116)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	(3.821)	(1.116)

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Mai Thùy Linh

Phạm Thị Hiếu

Lê Quang Huy

Mẫu B03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.484.572.739	64.399.904.282
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(43.944.642.673)	(62.286.323.851)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.155.171.000)	(3.505.314.600)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.029.194.029)	(944.435.317)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		932.932.974	5.384.232.050
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(880.036.996)	(6.226.593.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.591.538.985)	(3.178.530.559)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.566.618.000)	(50.006.580.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.204.546.400	47.063.124.938
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(67.076.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.987.000.000	70.373.235.700
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.273.009.196	158.349.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.897.937.596	512.130.096
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		18.453.699.700	25.004.165.597
Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.122.716.797)	(21.873.927.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(669.017.097)	3.130.238.345
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(362.618.486)	463.837.882
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	631.241.939	168.732.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(201.226)	(1.328.642)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	268.422.227	631.241.939

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mai Thùy Linh

Phạm Thị Hiếu

Lê Quang Huy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Mẫu B09 – DN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 07/08/2023.

Vốn điều lệ của công ty theo đăng ký là 262.061.580.000 đồng, vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 262.061.580.000 đồng; tương đương 26.206.158 cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: SDA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 16 người (tại ngày 01/01/2024 là 16 người).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Đầu tư phát triển các dự án bất động sản;
- Thi công xây lắp công trình;
- Thi công các công trình điện nhẹ, điện thông minh;
- Khai thác chế biến khoáng sản;
- Đào tạo nghề và xuất khẩu lao động.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 01 chi nhánh:

Tên chi nhánh

Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh

Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 16, đường Nguyễn Hằng Chi, phường
Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 03 Công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Tầng 6, tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐT Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,83%	35,83%
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Lô CN – B3, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	28,52%	28,52%
Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar	45,86%	45,86%

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 – Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và Chi nhánh. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong năm.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.10 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.12 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá đối hoái, ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế với các hoạt động kinh doanh thông thường.

3.17 LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tập đoàn gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại và kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp hoặc tại các khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban lãnh đạo nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	151.718.184	16.702.701
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.704.043	614.539.238
Cộng	268.422.227	631.241.939

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	5.600.100.000	5.600.100.000	5.600.100.000	5.600.100.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (*)	5.600.100.000	5.600.100.000	5.600.100.000	5.600.100.000
Cộng	5.600.100.000	5.600.100.000	5.600.100.000	5.600.100.000

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2022/178138/HĐTG/BIDV-SIMCO ngày 24/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Đông và Công ty Cổ phần Simco Sông Đà số tiền 5.600.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, kỳ hạn 12 tháng. Hợp đồng đã gia hạn tại ngày 24/10/2024, thời gian đáo hạn là ngày 24/10/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND		VND		VND		VND	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	72.692.905.914	(72.680.528.824)			72.692.905.914	(72.637.961.143)		
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	2.900.000.000	(2.887.622.910)		(**)	2.900.000.000	(2.845.055.229)		(**)
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	15.970.000.000	(15.970.000.000)		(*)	15.970.000.000	(15.970.000.000)		(*)
- Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà (1)	53.822.905.914	(53.822.905.914)		(*)	53.822.905.914	(53.822.905.914)		(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	86.674.400.000	(68.579.263.631)			101.914.400.000	(45.708.123.389)		
- Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	(3.300.000.000)		(*)	3.300.000.000	(3.300.000.000)		(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu kinh tế Hải Hà	1.000.000.000	(1.000.000.000)		(*)	1.000.000.000	(1.000.000.000)		(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Bất động sản Việt Nam (2)	25.298.400.000	(25.298.400.000)		(*)	40.538.400.000	(40.538.400.000)		(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ HXS VINA	20.026.000.000	(1.930.863.631)		(**)	20.026.000.000	(861.649.201)		(**)
- Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (3)	37.050.000.000	(37.050.000.000)		(*)	37.050.000.000	(8.074.188)		(*)
Cộng	159.367.305.914	(141.259.792.455)			174.607.305.914	(118.346.084.532)		

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này, tuy nhiên Công ty cũng có cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này trong tương lai với tổng giá trị là 136.441.305.914 đồng. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị nêu trên.

(**) Các khoản đầu tư này đã được Công ty trích lập dự phòng trên cơ sở kết quả kinh doanh theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của các Công ty liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(1) Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar – Simco Sông Đà:

- Theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKH-ĐTRNN cấp lần đầu ngày 30/03/2010, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKH-ĐTRNN-ĐC1 ngày 17/08/2012, giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 335/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 26/06/2023 của Bộ kế hoạch đầu tư cấp cho Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã chứng nhận Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là nhà đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá Marble – mỏ Nayputaung – bang Rakhine – Myanma. Tên tổ chức kinh tế lập tại nước ngoài là Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar – Simco Sông Đà.

- Theo các giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, tổng vốn đầu tư của dự án là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư bằng nguồn tự có là 6.000.000 USD, tương đương 126.000.000.000 đồng, trong đó vốn đầu tư ra nước ngoài của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là 2.519.530,17 USD và Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Trang là 3.480.469,83 USD.

+ Vốn đầu tư bằng nguồn vay là 12.147.000 USD, tương đương 225.087.000.000 đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2024, phần vốn góp thực tế vào Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar – Simco Sông Đà là: 117.358.983.697 đồng bao gồm:

+ Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà: 53.822.905.914 đồng chiếm tỷ lệ 45,86%.

+ Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Trang: 63.536.077.783 đồng chiếm tỷ lệ 54,14%.

(2) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3012/2024/HĐCNCP/SIMCO-CN ngày 30/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và ông Nguyễn Quang Hoàn. Đối tượng chuyển nhượng: 1.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Bất động sản Việt Nam với tổng giá trị chuyển nhượng là 7.200.000.000 đồng tương ứng với 6.000 đồng/ cổ phần. Thời hạn thanh toán: Tối đa 90 ngày kể từ ngày kí hợp đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 2.380.000.000 đồng.

(3) Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc cho ông Đỗ Tuấn Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2703/2025/HĐCNCP/SIMCO-CN ngày 27/03/2025. Đối tượng chuyển nhượng: 1.900.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc với tổng giá trị chuyển nhượng là 37.050.000.000 đồng tương ứng với 19.500 đồng/ cổ phần. Thời hạn thanh toán: Tối đa 180 ngày kể từ ngày kí hợp đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã nhận được 26.405.900.000 đồng từ hợp đồng chuyển nhượng trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Chi tiết từng đối tượng, từng khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Tầng 6, tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,83%	35,83%	Kinh doanh thiết bị vật tư và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Lô CN – B3, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	28,52%	28,52%	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar – Simco Sông Đà	Quận Kanayut, khu Yangon, Myanmar	45,86%	45,86%	Khai thác mỏ đá

Chi tiết từng đối tượng, từng khoản đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng – Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam	0,75%	0,75%	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu kinh tế Hải Hà	Phố Phan Đình Phùng, xã Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh	1,23%	1,23%	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Bất động sản Việt Nam	Số 2, ngõ 889, tổ 9, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội.	11,86%	19%	Tư vấn, môi giới Bất động sản và cung cấp các dịch vụ đi kèm
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ HXS VINA	Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	19%	19%	Sản xuất linh kiện điện tử
Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc	Xóm Trố, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	19%	19%	Điều hành tour du lịch

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	19.569.831.327	(4.446.560.053)	42.569.495.119	(3.087.489.367)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	7.078.961.065	-	3.162.626.040	-
- Ông Nguyễn Quang Hoàn (*)	3.200.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư CDM	2.506.253.320	-	-	-
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	(1.976.354.222)	1.976.354.222	(1.976.354.222)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ tiêu dùng Thịnh Phát	1.372.198.818	(1.372.198.818)	1.372.198.818	-
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	653.890.088	(651.140.088)	717.258.738	(664.268.220)
- Công ty Cổ phần may xuất khẩu Sông Đà	310.000.000	(310.000.000)	310.000.000	(310.000.000)
- Các khách hàng khác	2.472.173.814	(136.866.925)	35.031.057.301	(136.866.925)
Cộng	19.569.831.327	(4.446.560.053)	42.569.495.119	(3.087.489.367)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: *(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)*

(*) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3012/2024/HĐCNCP/SIMCO-CN ngày 30/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và ông Nguyễn Quang Hoàn. Đối tượng chuyển nhượng: 1.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Bất động sản Việt Nam với tổng giá trị chuyển nhượng là 7.200.000.000 đồng tương ứng với 6.000 đồng/ cổ phần. Thời hạn thanh toán: Tối đa 90 ngày kể từ ngày kí hợp đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 2.380.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.324.750.616	(740.984.054)	5.540.950.616	(740.984.054)
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Khai Hưng	-	-	3.432.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 27	180.984.054	(180.984.054)	180.984.054	(180.984.054)
- Công ty Cổ phần Thiết Bị Công Trình Hoàng Anh	560.000.000	(560.000.000)	560.000.000	(560.000.000)
- Trả trước cho người bán khác	1.583.766.562	-	1.367.966.562	-
Cộng	2.324.750.616	(740.984.054)	5.540.950.616	(740.984.054)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.328.330.196	(5.328.330.196)	33.532.876.596	(5.328.330.196)
- Bà Nguyễn Thị Hiệp	-	-	10.498.600.000	-
- Bà Nguyễn Thị Trinh	-	-	8.881.093.500	-
- Bà Nguyễn Việt Hà	-	-	6.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (1)	5.006.330.196	(5.006.330.196)	5.006.330.196	(5.006.330.196)
- Ông Phạm Quang Huy	-	-	2.124.852.900	-
- Bà Hà Thị Lê	-	-	700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển SCO (2)	322.000.000	(322.000.000)	322.000.000	(322.000.000)
Cộng	5.328.330.196	(5.328.330.196)	33.532.876.596	(5.328.330.196)

Phải thu về cho vay là các bên liên quan: (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)

- (1) Các hợp đồng cho vay tiền giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển. Lãi suất 0-2%/năm. Kỳ hạn 3-6 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng vay tiền số HĐV/01/2017/HT-SC ngày 12/10/2017 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển SCO số tiền 322.000.000 đồng. Lãi suất 0%/năm. Kỳ hạn 12 tháng. Mục đích vay: nhu cầu vốn để kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	79.352.436.975	(69.846.630.709)	12.036.365.490	(1.183.012.709)
- Hợp tác kinh doanh (1)	5.750.000.000	-	5.750.000.000	-
+ Cán bộ Công nhân viên	5.750.000.000	-	5.750.000.000	-
- Phải thu lãi cho vay	74.044.444	-	930.752.000	-
- Tạm ứng	540.000.000	(500.000.000)	539.000.000	(500.000.000)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư quốc tế Thăng Long (2)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-	-
- Phải thu khác	62.988.392.531	(59.346.630.709)	4.816.613.490	(683.012.709)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	(550.000.000)	550.000.000	(550.000.000)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SCO	25.000.000	(25.000.000)	25.000.000	(25.000.000)
+ Phải thu khác (3)	61.913.392.531	(58.271.630.709)	3.741.613.490	(108.012.709)
Dài hạn	1.024.600.000	-	11.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư quốc tế Thăng Long (2)	-	-	10.000.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.024.600.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	80.377.036.975	(69.846.630.709)	23.036.365.490	(1.183.012.709)

- (1) Khoản hợp tác kinh doanh với các cán bộ công nhân viên của công ty được trình bày chi tiết tại thuyết minh số 22 - Phải trả khác.
- (2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/SIMCO-THANGLONG ngày 31/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (bên A) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư quốc tế Thăng Long (bên B), với số tiền bên A góp vốn bằng tiền mặt là 10.000.000.000 đồng; bên B góp bằng quyền kinh doanh sản phẩm, mạng lưới khách hàng và hệ thống phân phối sản phẩm liên quan đến các sản phẩm ngành nguyên liệu và nhựa liệu. Thời hạn hợp tác: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh được chia theo tỷ lệ: bên A được hưởng 70%, bên B được hưởng 30% trên tổng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước.
- Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang tạm thời trích lập dự phòng 100% đối với các khoản hợp tác kinh doanh này do hợp đồng đã quá hạn nhưng chưa được bên Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư quốc tế Thăng Long quyết toán lợi nhuận và thực hiện đối chiếu công nợ với Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang tích cực làm việc với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư quốc tế Thăng Long để thực hiện quyết toán và thu hồi khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(3) Các khoản phải thu khác tại thời điểm 31/12/2024 là 61.913.392.531 đồng, trong đó bao gồm một số khoản phải thu khác với tổng giá trị là 58.163.618.000 đồng và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%. Chi tiết cụ thể như sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 11/12/2023/HĐCNCP/SIMCO-CN ngày 11/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và bà Hoàng Thị Phương. Đối tượng chuyển nhượng: 2.400.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN với tổng giá trị chuyển nhượng là 75.360.000.000 đồng tương ứng với 31.400 đồng/cổ phần. Thời hạn thanh toán: Tối đa 180 ngày kể từ ngày kí hợp đồng. Tại ngày 31/03/2025, Công ty đã thu hồi được toàn bộ số tiền thông qua tài khoản ngân hàng và Công ty đã đem số tiền trên đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần An Viên Lạc Sơn cùng ngày. Khoản tiền tiếp tục được sử dụng như trình bày tại Thuyết minh số 35.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 36/2023/HĐCNCP/SIMCO-CN ngày 13/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (Bên A) và bà Nguyễn Thị Nhân (Bên B). Đối tượng chuyển nhượng: Toàn bộ phần vốn góp của Bên A trong Dự án đầu tư hoạt động kinh doanh Trường Cao đẳng nghề SIMCO Sông Đà theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1403/HĐHTKD ngày 14/03/2017 và Phụ lục đính kèm giữa Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà và Công ty Cổ phần Dầu tư HAFA và Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực SIMCO Sông Đà, tương đương với 41,05% tổng vốn góp của dự án. Tổng giá trị chuyển nhượng: 19.850.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán: Tại thời điểm hoàn thiện thủ tục chia tách Trường Cao đẳng nghề SIMCO Sông Đà nhưng không quá 03 (ba) năm kể từ ngày kí hợp đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 500.000.000 đồng. Khoản tiền tiếp tục được sử dụng như trình bày tại Thuyết minh số 35.
- Các hợp đồng cho vay bằng tiền mặt Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và các cá nhân với số tiền là 37.566.618.000 đồng. Lãi suất 8,5%/năm. Kỳ hạn 180 ngày. Mục đích vay: đáp ứng nhu cầu tài chính cá nhân. Không có tài sản đảm bảo. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi được toàn bộ khoản tiền cho vay qua tài khoản ngân hàng và đầu tư vào Công ty Cổ phần An Viên Lạc Sơn. Khoản tiền tiếp tục được sử dụng như trình bày tại Thuyết minh số 35.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. NỢ XẤU

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi		Giá trị		Giá trị có thể thu hồi	
	VND		VND		VND		VND	
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán								
Phải thu về cho vay	5.328.330.196		-	(5.328.330.196)	5.328.330.196		-	(5.328.330.196)
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	5.006.330.196		-	(5.006.330.196)	5.006.330.196		-	(5.006.330.196)
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển SCO	322.000.000		-	(322.000.000)	322.000.000		-	(322.000.000)
Phải thu khách hàng	4.449.310.053		2.750.000	(4.446.560.053)	4.512.678.703		1.425.189.336	(3.087.489.367)
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222		-	(1.976.354.222)	1.976.354.222		-	(1.976.354.222)
- Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại và Dịch vụ tiêu dùng Thịnh Phát	1.372.198.818		-	(1.372.198.818)	1.372.198.818		1.372.198.818	-
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	653.890.088		2.750.000	(651.140.088)	717.258.738		52.990.518	(664.268.220)
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	310.000.000		-	(310.000.000)	310.000.000		-	(310.000.000)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 1 tại Hà Nội	55.574.102		-	(55.574.102)	55.574.102		-	(55.574.102)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 25 tại Hà Nội	49.474.463		-	(49.474.463)	49.474.463		-	(49.474.463)
- Công ty Thảo Nguyên Xanh	31.818.360		-	(31.818.360)	31.818.360		-	(31.818.360)
Trả trước cho người bán	740.984.054		-	(740.984.054)	740.984.054		-	(740.984.054)
- Công ty Cổ phần Thiết Bị Công Trình Hoàng Anh	560.000.000		-	(560.000.000)	560.000.000		-	(560.000.000)
- Công ty Cổ phần Sông Đà 27	180.984.054		-	(180.984.054)	180.984.054		-	(180.984.054)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. NỢ XẤU (TIẾP)

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác	69.846.630.709	-	(69.846.630.709)	11.683.012.709	10.500.000.000	(1.183.012.709)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư quốc tế Thăng Long	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	10.000.000.000	10.000.000.000	-
- Bà Hoàng Thị Phương	17.597.000.000	-	(17.597.000.000)	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thoa	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-	-	-
- Bà Bùi Thị Hào	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-	-	-
- Bà Đinh Thị Hiền	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-	-	-
- Bà Hoàng Thị Hoạch	7.966.618.000	-	(7.966.618.000)	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Tho	4.600.000.000	-	(4.600.000.000)	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Nhân	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-	-
- Bà Nguyễn Việt Hà	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	-	(550.000.000)	550.000.000	-	(550.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona	500.000.000	-	(500.000.000)	500.000.000	500.000.000	-
- Ông Trần Đức Tân	500.000.000	-	(500.000.000)	500.000.000	-	(500.000.000)
- Ông Nguyễn Thùy Nguyên	108.012.709	-	(108.012.709)	108.012.709	-	(108.012.709)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển SCO	25.000.000	-	(25.000.000)	25.000.000	-	(25.000.000)
Cộng	80.365.255.012	2.750.000	(80.362.505.012)	22.265.005.662	11.925.189.336	(10.339.816.326)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. HÀNG TỒN KHO

31/12/2024		01/01/2024	
Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
47.896.364	-	47.896.364	-
47.896.364	-	47.896.364	-

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Cộng

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

31/12/2024		01/01/2024	
Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
80.701.112.441	80.701.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
4.799.000.000	4.799.000.000	-	-
75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
80.701.112.441	80.701.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Mua xe ô tô Mercedes-Benz S450

- Dự án Tòa nhà Simco Tower (*)

Cộng

(*) Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH – Dự án khu đô thị mới Cầu Bươu, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội có tổng mức đầu tư là 351.780.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2024, giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua ô đất ký hiệu HH, diện tích 5.789,4 m2 theo Hợp đồng chuyển nhượng hạ tầng kỹ thuật ô đất số 37/2010-HĐCN ngày 15/04/2010 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội. Việc mua bán chuyển nhượng lô đất là chưa phù hợp với quy định hiện hành, do đó Công ty đang làm việc với Công ty Cổ phần Kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội để làm thủ tục chuyển sang hợp đồng hợp tác kinh doanh để tiếp tục triển khai phát triển dự án theo như Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 13/03/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án cho phần còn lại là từ năm 2025 đến năm 2027.

- Ngày 15/09/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã ra Nghị quyết số 27/SIMCO-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương thực hiện dự án tại ô đất có ký hiệu HH thuộc dự án Khu đô thị mới Cầu Bươu tại huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nay là phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	9.526.221	12.944.133
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.526.221	12.944.133
Dài hạn	21.228.953	32.756.213
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.136.350	5.136.350
- Chi phí khác	16.092.603	27.619.863
Cộng	30.755.174	45.700.346

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ	26.493.459.364	1.459.885.727	1.057.323.636		154.388.551	305.826.000	29.470.883.278	
	(4.146.051.104)	-	-		-	-	(4.146.051.104)	
	22.347.408.260	1.459.885.727	1.057.323.636		154.388.551	305.826.000	25.324.832.174	
HAO MÒN LŨY KẾ	(8.786.836.268)	(1.459.885.727)	(1.057.323.636)		(154.388.551)	(305.826.000)	(11.764.260.182)	
	(1.136.491.836)	-	-		-	-	(1.136.491.836)	
	1.976.081.264	-	-		-	-	1.976.081.264	
31/12/2024	(7.947.246.840)	(1.459.885.727)	(1.057.323.636)		(154.388.551)	(305.826.000)	(10.924.670.754)	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	17.706.623.096	-	-		-	-	17.706.623.096	
01/01/2024								
31/12/2024	14.400.161.420	-	-		-	-	14.400.161.420	

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 14.400.161.420 VND (tại ngày 01/01/2024 là 17.706.623.096 VND).
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2024 đã hết khấu hao những vẫn còn sử dụng là: 4.121.035.050 VND (tại ngày 01/01/2024 là: 4.121.035.050 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	244.160.000	244.160.000
31/12/2024	244.160.000	244.160.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(244.160.000)	(244.160.000)
31/12/2024	(244.160.000)	(244.160.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	-	-
31/12/2024	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 244.160.000 đồng, (tại ngày 01/01/2024 là 244.160.000 đồng).

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
NGUYÊN GIÁ	11.823.869.356	4.146.051.104	-	15.969.920.460
- Nhà	11.823.869.356	4.146.051.104		15.969.920.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(4.334.218.384)	(1.976.081.264)	-	(6.310.299.648)
- Nhà	(4.334.218.384)	(1.976.081.264)	-	(6.310.299.648)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	7.489.650.972	2.169.969.840	-	9.659.620.812
- Nhà	7.489.650.972	2.169.969.840	-	9.659.620.812

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 9.659.620.812 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 7.489.650.972 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	244.160.000	244.160.000
31/12/2024	244.160.000	244.160.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(244.160.000)	(244.160.000)
31/12/2024	(244.160.000)	(244.160.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	-	-
31/12/2024	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 244.160.000 đồng, (tại ngày 01/01/2024 là 244.160.000 đồng).

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
NGUYÊN GIÁ	11.823.869.356	4.146.051.104	-	15.969.920.460
- Nhà	11.823.869.356	4.146.051.104	-	15.969.920.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(4.334.218.384)	(1.976.081.264)	-	(6.310.299.648)
- Nhà	(4.334.218.384)	(1.976.081.264)	-	(6.310.299.648)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	7.489.650.972	2.169.969.840	-	9.659.620.812
- Nhà	7.489.650.972	2.169.969.840	-	9.659.620.812

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 9.659.620.812 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 7.489.650.972 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
15.325.240.790	15.325.240.790	11.736.669.750	11.736.669.750
3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
2.843.297.040	2.843.297.040	-	-
-	-	2.256.022.000	2.256.022.000
1.108.904.513	1.108.904.513	-	-
1.057.282.162	1.057.282.162	-	-
1.112.167.150	1.112.167.150	-	-
6.203.589.925	6.203.589.925	9.480.647.750	9.480.647.750
15.325.240.790	15.325.240.790	11.736.669.750	11.736.669.750

Ngắn hạn

- Chi nhánh giao dịch Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam
- Công ty Cổ phần Giải pháp Collab
- Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Thành Công
- Công ty Cổ phần Thiên Long
- Công ty TNHH Hải Ngọc
- Phải trả người bán ngắn hạn khác

Cộng

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
VND	VND	VND	VND
17.653.243	4.046.166.182	4.063.819.425	-
-	3.000.000	3.000.000	-
-	2.543.732	2.543.732	-
17.653.243	4.051.709.914	4.069.363.157	-

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế môn bài
- Thuế bảo vệ môi trường

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

	01/01/2024		Số phải thu trong năm		Số đã thực thu trong năm		31/12/2024	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải thu	1.929.003		-		-		1.929.003	
	-		33.460.000		39.489.600		6.029.600	
	1.929.003		33.460.000		39.489.600		7.958.603	

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2024			Trong năm			01/01/2024		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Vay ngắn hạn	13.381.911.300	13.381.911.300		18.453.699.700	19.122.716.797	14.050.928.397	14.050.928.397	14.050.928.397	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (1)	9.154.911.300	9.154.911.300		18.453.699.700	19.122.716.797	9.823.928.397	9.823.928.397	9.823.928.397	
- Vay cá nhân	4.227.000.000	4.227.000.000		-	-	4.227.000.000	4.227.000.000	4.227.000.000	
+ Ông Nguyễn Sĩ Hiền (2)	1.830.000.000	1.830.000.000		-	-	1.830.000.000	1.830.000.000	1.830.000.000	
+ Ông Nguyễn Hoài Nam (3)	999.000.000	999.000.000		-	-	999.000.000	999.000.000	999.000.000	
+ Ông Vũ Đình Vinh (4)	955.000.000	955.000.000		-	-	955.000.000	955.000.000	955.000.000	
+ Bà Nguyễn Thị Lâm (5) (*)	443.000.000	443.000.000		-	-	443.000.000	443.000.000	443.000.000	
Cộng	13.381.911.300	13.381.911.300		18.453.699.700	19.122.716.797	14.050.928.397	14.050.928.397	14.050.928.397	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/178138/HĐTD ngày 29/10/2023. Hạn mức: 10.000.000.000 đồng, mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết 29/10/2025, lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo tiền vay là tòa nhà Simco Sông Đà.

(2) Khoản vay ngắn hạn ông Nguyễn Sĩ Hiền theo hợp đồng vay số HĐV/0703/2022/SH-SC ngày 07/03/2022 và các phụ lục đính kèm. Số tiền vay tối đa: 12.510.000.000 đồng, Lãi suất 6%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng với mục đích để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục hợp đồng vay số 01 ngày 01/08/2024 về việc điều chỉnh số tiền cho vay: 1.830.000.000 đồng, gia hạn thời hạn cho vay đến ngày 31/12/2025, lãi suất cho vay là 0%/năm.

(3) Khoản vay Ông Nguyễn Hoài Nam theo hợp đồng vay số 0410/2022/HĐV/SIMCO-CN ngày 04/10/2022; số tiền vay: 999.000.000 đồng; Lãi suất: 8%/năm; Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(4) Vay Ông Vũ Đình Vinh theo hợp đồng vay số 080701/2022/HĐV/SIMCO-CN ngày 08/07/2022, số tiền vay tối đa: 600.000.000 đồng; Lãi suất: 8%/năm; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Và theo hợp đồng vay số HĐV/2601/2022/CN-SC ngày 26/01/2022; số tiền vay: 700.000.000 đồng; Lãi suất 8%/năm; Thời hạn vay 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(5) Khoản vay ngắn hạn bà Nguyễn Thị Lâm của chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp xây dựng Simco Sông Đà theo hợp đồng số 12/2015/HĐVV ngày 31/07/2015. Hiện nay Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà đã chấm dứt hoạt động. Số tiền vay: 443.000.000 đồng, lãi suất: 4%/năm, Thời hạn vay: 3 tháng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

(*) Khoản vay Bà Nguyễn Thị Lâm với lý do chưa thanh toán: Khoản nợ vay vốn lưu động của Xí nghiệp xây dựng Simco Sông Đà chưa được Công ty phê duyệt theo phân cấp quản lý tài chính đối với các đơn vị trực thuộc. Hiện nay Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà đã chấm dứt hoạt động. Công ty sẽ xem xét sau khi có số liệu quyết toán các nghĩa vụ tài chính của Xí nghiệp sau quyết toán thuế. Do đó, khoản vay và nợ thuế tài chính trên chưa được thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	830.367.445	1.122.488.324
- Chi phí lãi vay	402.423.000	478.063.233
- Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	155.820.000	513.439.200
- Chi phí phải trả khác	272.124.445	130.985.891
Cộng	830.367.445	1.122.488.324

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.722.796.958	2.238.191.661
- Doanh thu cho thuê văn phòng	1.722.796.958	2.238.191.661
Dài hạn	11.288.538.027	14.714.395.624
- Doanh thu cho thuê văn phòng	11.288.538.027	14.714.395.624
Cộng	13.011.334.985	16.952.587.285

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	21.016.384.044	21.504.202.446
- Kinh phí công đoàn	248.944.080	294.895.680
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.767.439.964	21.209.306.766
+ Cổ tức phải trả năm 2011, 2013 (1)	17.034.235.140	17.034.235.140
+ Đặt cọc hoàn thiện Dự án nhà Vạn Phúc	1.415.000.000	1.415.000.000
+ Đặt cọc khoản tiền đảm bảo trách nhiệm cho các cá nhân xuất khẩu lao động	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Các khoản phải trả khác	1.318.204.824	1.760.071.626
Dài hạn	5.890.367.600	5.811.537.600
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	140.367.600	61.537.600
- Phải trả về vốn hợp tác kinh doanh	5.750.000.000	5.750.000.000
+ Vốn góp hợp tác của Cán bộ công nhân viên (2)	5.750.000.000	5.750.000.000
Cộng	26.906.751.644	27.315.740.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)****(1) Cổ tức năm 2011 và năm 2013 chưa trả, đã quá hạn thanh toán**

Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn: Do Công ty đã sử dụng nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và 2013 đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá Marble tại Myanmar. Dự án đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 nhưng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng nên chưa thu hồi được vốn đầu tư giai đoạn 1. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng dự án để thu hồi vốn đầu tư nên chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và 2013.

Nghị quyết số 21/SIMCO-HĐQT ngày 10/12/2024 về việc Gia hạn thời gian trả cổ tức năm 2011 và 2013, thời hạn thanh toán cổ tức điều chỉnh là ngày 13/12/2027. (Thời gian thanh toán cổ tức trước điều chỉnh là ngày 13/12/2024).

(2) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà)

- Các bên tham gia hợp tác liên danh gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và các cán bộ công nhân viên của Công ty.

- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển. Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất, rủi ro nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển.

- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Vốn hợp tác kinh doanh	5.750.000.000	5.750.000.000
- Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(5.750.000.000)	(5.750.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
01/01/2023	262.061.580.000		(1.682.000)		1.231.903.807		(47.511.270.075)		215.780.531.732	
- (Lỗ) trong năm trước	-		-		-		(29.258.003.127)		(29.258.003.127)	
31/12/2023	262.061.580.000		(1.682.000)		1.231.903.807		(76.769.273.202)		186.522.528.605	
01/01/2024	262.061.580.000		(1.682.000)		1.231.903.807		(76.769.273.202)		186.522.528.605	
- (Lỗ) trong năm nay	-		-		-		(100.142.622.762)		(100.142.622.762)	
31/12/2024	262.061.580.000		(1.682.000)		1.231.903.807		(176.911.895.964)		86.379.905.843	

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**23.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	40.047.660.000	15,3%	40.047.660.000	15,3%
- Cổ đông khác	222.013.920.000	84,7%	222.013.920.000	84,7%
Cộng	262.061.580.000	100%	262.061.580.000	100%

23.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN ĐANG LƯU HÀNH

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.206.158	26.206.158
+ Cổ phiếu phổ thông	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
+ Cổ phiếu phổ thông	168	168
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.205.990	26.205.990
+ Cổ phiếu phổ thông	26.205.990	26.205.990
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	41.330.743.041	44.676.610.785
+ Doanh thu bán hàng hóa	38.679.399.538	41.346.283.829
+ Doanh thu xuất khẩu lao động	79.812.923	268.003.504
+ Doanh thu khác	2.571.530.580	3.062.323.452
Cộng	41.330.743.041	44.676.610.785

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn của bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.975.331.746	43.914.887.245
+ Giá vốn của bán hàng	39.331.518.250	41.190.324.487
+ Giá vốn của xuất khẩu lao động	141.069.282	313.303.013
+ Các khoản giá vốn của cung cấp dịch vụ khác	1.502.744.214	2.411.259.745
Cộng	40.975.331.746	43.914.887.245

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	416.301.640	2.347.746.336
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	1.328.642
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	17.272.746.090
Cộng	416.301.640	19.621.821.068

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	678.871.467	1.184.317.317
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	201.257	4.301.513
- Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	8.040.000.000	-
- (Hoàn nhập)/ Dự phòng tổn thất đầu tư	22.913.707.923	42.877.518.056
Cộng	31.632.780.647	44.066.136.886

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	73.830.790.100	5.641.183.183
- Chi phí nguyên, vật liệu	27.353.987	22.646.260
- Chi phí nhân viên quản lý	2.371.401.540	2.459.565.483
- Chi phí khấu hao TSCĐ	107.054.100	48.126.118
- Chi phí dự phòng	70.042.456.652	813.038.154
- Thuế phí, lệ phí	15.263.477	10.034.572
- Chi phí bằng tiền khác	759.985.946	73.368.642
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.442.661	558.150.976
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	71.831.737	1.656.252.978
Cộng	73.830.790.100	5.641.183.183

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
- Chi phí nguyên vật liệu	27.353.987	180.609.662
- Chi phí nhân công	2.545.969.560	2.459.565.483
- Chi phí dự phòng	70.042.456.652	813.038.154
- Khấu hao tài sản cố định	1.136.491.836	1.077.563.854
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.039.439.319	1.297.293.569
- Chi phí bằng tiền khác	775.249.423	2.627.812.369
Cộng	75.566.960.777	8.455.883.091

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thu nhập từ thanh lý hợp đồng (*)	4.594.734.281	-
- Các khoản thu nhập khác	27.671.753	76.782.615
Cộng	4.622.406.034	76.782.615

(*) Khoản thu nhập phát sinh từ việc thanh lý hợp đồng thuê văn phòng số 133/2017/HĐTVP ngày 01/03/2017 và hợp đồng thuê văn phòng số 034/2017/HĐTVP ngày 15/03/2017 trước hạn giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (nay là Trường Cao đẳng ngoại ngữ Hà Nội).

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Các khoản phạt	4.338.434	-
- Các khoản chi phí khác	68.832.550	11.010.281
	73.170.984	11.010.281

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(100.142.622.762)	(29.258.003.127)
Các khoản điều chỉnh tăng	95.284.985.620	1.764.307.583
- Các khoản chi phí phạt	71.166.394	6.891.084
- Dự phòng tổn thất khoản đầu tư và các khoản phải thu	95.213.618.000	1.757.416.499
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	201.226	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	16.795.656
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	-	1.328.642
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm trước	-	15.467.014
Thu nhập chịu thuế trong năm	(4.857.637.142)	(27.510.491.200)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	(4.857.637.142)	(27.510.491.200)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(100.142.622.762)	(29.258.003.127)
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	26.205.990	26.205.990
- Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(3.821)	(1.116)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2024, Công ty có số dư giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar – Simco Sông Đà	Công ty liên kết
4	Nguyễn Sĩ Hiền	Cổ đông
5	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Cổ đông

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	2.630.244.310	2.693.612.960
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	1.976.354.222
- Công ty Cổ phần Tự Động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	653.890.088	717.258.738
Phải thu về cho vay	5.006.330.196	5.006.330.196
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	5.006.330.196	5.006.330.196
Chi phí phải trả	-	198.844.000
- Chi phí lãi vay trích trước (Ông Nguyễn Sĩ Hiền)	-	198.844.000
Vay và nợ thuê tài chính	1.830.000.000	1.830.000.000
- Ông Nguyễn Sĩ Hiền	1.830.000.000	1.830.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên chủ chốt:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	660.037.200	879.594.500
- Lê Quang Huy	308.417.600	295.154.400
- Nguyễn Lương Phương	-	228.441.000
- Nguyễn Thị Hồng Ngọc	335.932.600	303.282.100
- Phạm Ngọc Trâm	6.275.000	16.568.000
- Ngô Đức Anh	6.275.000	36.149.000
- Nguyễn Ngọc Quyền (Bổ nhiệm ngày 26/06/2024)	3.137.000	-
Thu nhập của Ban kiểm soát	14.641.000	84.347.000
- Nguyễn Thị Thu Thủy	-	19.581.000
- Vũ Thị Lanh	4.183.000	16.568.000
- Trần Thị Thúy (Miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	4.183.000	24.099.000
- Nguyễn Thị Hồng Dịu	6.275.000	24.099.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	-	149.702.100
- Vũ Đức Quân	-	149.702.100
Cộng	674.678.200	1.113.643.600

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Nghị quyết số 03/SIMCO-HĐQT ngày 17/03/2025 của Hội đồng quản trị về việc thoái toàn bộ 1.900.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc với mức giá giao dịch không thấp hơn 19.500 đồng/cổ phần.

Nghị quyết số 04/SIMCO-HĐQT ngày 17/03/2025 của Hội đồng quản trị về việc góp vốn vào Công ty Cổ phần An Viên Lạc Sơn. Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng: 6.170.000 cổ phần (Chiếm 38,56% vốn điều lệ của Công ty cổ phần An Viên Lạc Sơn). Giá chuyển nhượng: 12.000 đồng/cổ phần. Nguồn vốn: Từ việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc và nguồn vốn hợp pháp khác.

Nghị quyết số 06/SIMCO-HĐQT ngày 25/03/2025 của Hội đồng quản trị về việc Điều chỉnh giá và tỷ lệ góp vốn vào Công ty cổ phần An Viên Lạc Sơn. Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng: 7.400.000 cổ phần (Chiếm tỷ lệ 46,25% vốn điều lệ của Công ty An Viên Lạc Sơn). Giá chuyển nhượng: 10.000 đồng/cổ phần.

Nghị quyết số 19/SIMCO-HĐQT ngày 30/06/2025 của Hội đồng quản trị về việc Thanh lý và chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào Công ty Cổ phần An Viên Lạc Sơn. Số lượng cổ phần: 7.400.000 cổ phần (Chiếm tỷ lệ 46,25% vốn điều lệ của Công ty An Viên Lạc Sơn). Thời gian thực hiện: Kể từ ngày ban hành Nghị quyết đến khi thực hiện xong việc thanh lý và chấm dứt hợp đồng toàn bộ vốn góp.

Ngày 01/07/2025, Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng mua cổ phần Công ty Cổ phần An Viên Lạc Sơn với ông Bùi Công Đa và ông Nguyễn Văn Thanh Tùng và thu hồi số tiền 74.000.000.000 đồng đã đầu tư. Ngày 07/07/2025, toàn bộ số tiền thu hồi này được Công ty tiếp tục tạm ứng toàn bộ số tiền trên cho cán bộ nhân viên qua tài khoản ngân hàng nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

Ngày 15/09/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã ra Nghị quyết số 27/SIMCO-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương thực hiện dự án tại ô đất có ký hiệu HH thuộc dự án Khu đô thị mới Cầu Bươu tại huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nay là phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội).

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu



Mai Thùy Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Quang Huy